TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **42/**2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10-4-2023
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Cẩm Tú

2. Ông Nguyễn Văn Bàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 274/2022/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số: 43/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trương Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 (có mặt);

2. Bị đơn: Chị Võ Thị C, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp RN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 26/9/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trương Văn Th trình bày và yêu cầu như sau*:

Anh và chị Võ Thị C chung sống với nhau vào năm 2003, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh và chị Võ Thị C có 02 người con chung tên: Trương Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 và Trương Văn H, sinh ngày 15/10/2007 hiện

nay đang chung sống với anh; về tài sản chung, anh và chị Võ Thị C không có và không tranh chấp; về nợ, anh và chị Võ Thị C không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị. Quá trình chung sống anh và chị Võ Thị C sống không hòa hợp, thường xuyên bất hòa cự cãi với nhau, đến năm 2008 anh và chị Võ Thị C sống ly thân với nhau cho đến nay. Anh thấy, anh và Võ Thị C không còn tình cảm vợ chồng, về quan hệ hôn nhân, anh yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị C. Về quan hệ con chung, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trương Văn H, sinh ngày 15/7/2007 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu chị Võ Thị C cấp dưỡng con, còn người con Trương Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 hiện nay đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Võ Thị C không có tài sản chung, không tranh chấp, không có nợ người khác, người khác không nợ anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

** Tại Bản trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Trương Văn H như sau*:

Trương Văn H con của anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C, từ khi cha và mẹ của Trương Văn H không còn chung sống với nhau thì Trương Văn H sống chung với cha là anh Trương Văn Th, địa chỉ: ấp RN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang. Nếu mẹ cha của Trương Văn H ly hôn thì Trương Văn H có nguyện vọng chung sống với cha là anh Trương Văn Th. Trương Văn H cam kết chịu trách nhiệm về lời trình bày của mình.

** Tại Biên bản xác minh ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang như sau*:

Anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C cư trú tại ấp RN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân như thế nào thì không rõ. Trong thời gian anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C chung sống có 02 người con chung tên Trương Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 và Trương Văn H, sinh ngày 15/10/2007, hiện nay anh Trương Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

** Bị đơn chị Võ Thị C*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho chị Võ Thị C nhưng chị không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và yêu cầu được nuôi con của anh Trương Văn Th nên Toà án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm*: Căn cước công dân tên Trương Văn Th, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1972 và sổ hộ khẩu (Bản sao); Văn bản cam kết về việc trước đây vợ chồng không có đăng ký kết hôn ngày 21/9/2022 của anh Trương Văn Th (Bản chính); Giấy khai sinh Trương

Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 và Trương Văn H, sinh ngày 15/10/2007 (Bản sao); Bản trình bày nguyện vọng ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Trương Văn H (Bản chính); Biên bản xác minh ngày 11/11/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang (Bản chính).

** Tại phiên tòa*:

Nguyên đơn anh Trương Văn Th yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị C, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trương Văn H, sinh ngày 15/7/2007 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, anh không yêu cầu chị Võ Thị C cấp dưỡng con, còn người con Trương Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 hiện nay đã thành niên nên anh không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ, anh và chị Võ Thị C không có tài sản chung, không có tranh chấp, anh cam kết không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị nên anh không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Võ Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn chị Võ Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của anh Trương Văn Th yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị C, nhưng anh chị chung sống với nhau không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xử xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C là vợ chồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trương Văn Th yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Trương Văn H nhưng chị Võ Thị C không có ý kiến gì nên đề nghị giao người con chung của anh chị tên Trương Văn H cho anh Trương Văn Th nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Trương Văn Th yêu cầu được ly hôn với bị đơn chị Võ Thị C, tranh chấp về nuôi con. Nguyên đơn và bị đơn đều cư trú tại ấp RN, xã HY, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Võ Thị C biết và ấn định thời gian để cho chị có ý kiến về việc anh Trương Văn Th khởi kiện yêu cầu được ly hôn với chị và tranh chấp về nuôi con, nhưng chị Võ Thị C không có ý kiến và yêu cầu gì, cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Toà án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Võ Thị C vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Đồng thời, tại phiên toà lần thứ hai, anh Trương Văn Th không yêu cầu hoãn phiên toà. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Võ Thị C theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C chung sống với nhau vào năm 2003, đến nay anh chị không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền *(Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nơi anh chị cư trú)* là vi phạm quy định về đăng ký kết hôn của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh Trương Văn Th yêu cầu được ly hôn với chị Võ Thị C thì chị Võ Thị C không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời anh chị không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C có 02 người con chung tên: Trương Thị Thúy L, sinh ngày 09/7/2004 và Trương Văn H, sinh ngày 15/10/2007. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi dưỡng người con chung tên Trương Văn H, sinh ngày 15/7/2007 đến tròn 18 tuổi, tự lao động sinh sống được, nhưng chị Võ Thị C không có ý kiến yêu cầu gì khác, đồng thời con chung của anh chị từ khi anh chị ly thân đến nay chung sống với anh Trương Văn Th, đã thích nghi với cuộc sống hiện tại, nay Trương Văn H có nguyện vọng chung sống với anh Trương Văn Th. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, yêu cầu của anh Trương Văn Th và ý kiến nguyện vọng của con anh chị tên

Trương Văn H, giao người con chung của anh chị tên Trương Văn H cho anh Trương Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Trương Văn H là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, còn người con chung của anh chị tên Trương Thị Thúy L, hiện nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trương Văn Th không yêu cầu chị Võ Thị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ, anh Trương Văn Th tự xác định, anh và chị Võ Thị C không có tài sản chung, không tranh chấp, anh cam kết anh và chị Võ Thị C không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Trương Văn Th và chị Võ Thị C là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao người con chung của anh chị tên Trương Văn H, sinh ngày 15/10/2007 cho anh Trương Văn Th được tiếp tục nuôi dưỡng đến tròn 18 tuổi tự lao động sinh sống được theo nguyện vọng của con anh chị tên Trương Văn H và hiện nay đang chung sống với anh Trương Văn Th. Người

con chung của anh chị tên Trương Thị Thúy L, hiện nay đã thành niên, anh chị không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: anh Trương Văn Th không yêu cầu chị Võ Thị C cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

4. Về tài sản chung và nợ: Anh Trương Văn Th tự xác định, anh chị không có tài sản chung, không tranh chấp, anh cam kết anh và chị Võ Thị C không có nợ người khác, người khác không có nợ anh chị và anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

5. Về án phí: Buộc anh Trương Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0003705 ngày 09 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Anh Trương Văn Th đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 10/4/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Kiều).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Thảo